TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2022
V/v Chia tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ, ông Nguyễn Xuân Chung.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc "Chia tài sản chung sau khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 67/2022/QĐST – DSTC ngày 30/6/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/QĐST – DSTC ngày 27/7/2022 , giữa:

Nguyên đơn: Chị Hạng Thị M**,** sinh năm 1980 (có mặt)
Địa chỉ: Ao Vè, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
Bị đơn: Anh Vũ Quang P (Vũ Văn P), sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Đồng Mạ, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:
Bà Chu Thị Q, sinh năm 1943 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Mỏ Sẻ, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:
Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Mỏ Sẻ, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
Anh Trịnh Quý D, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)
Chị Nguyễn Thị Mến, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Ao Vè, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
Anh Vũ Đức T, sinh năm 2002 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Mỏ Sẻ, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
Chị Vũ Thị T, sinh năm 2001 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ao Vè, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho bà Chu Thị Q người có Q lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Đồng Duy C – Luật sư Văn phòng Luật sư Đồng Tâm và cộng sự (có mặt)

UBND huyện Lục Nam do ông Đặng văn N – Chủ tịch UBND là đại diện

ủy Q cho ông Đào Quang D – Chuyên viên phòng TNMT huyện Lục Nam (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hạng Thị M trình bày:

Chị kết hôn với anh Vũ Quang P tháng 11 năm 1999 trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vô Tranh cưới xong anh chị về chung sống với nhau ngay tại thôn Mỏ Sẻ xã Vô Tranh. Năm 2001 chị sinh con gái tên là Vũ Thị T, năm 2002 chị sinh con trai tên là Vũ Đức T hai vợ chồng ở chung nhà với mẹ chồng tên là Chu Thị Q trên mảnh đất 1680m2 tại thôn Mỏ Sẻ (nay là thôn Đồng Mạ xã Vô Tranh). Nguồn gốc mảnh đất là do của mẹ chồng chị có khoảng vài trăm mét vuông sau đó chị và anh P khai vỡ dần từ trên rừng xuống sau này đo đạc có diện tích 1680m2. Phía bắc giáp đường tỉnh lộ 293, phía tây và phía nam giáp nhà ông Nguyễn Hồng Đang, phĩa đông giáp nhà ông Phùng Văn Vịnh năm 2001 gia đình tôi được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSD đất mang tên hộ ông Vũ Văn P. Năm 2007 tôi và anh Vũ Văn P đến Tòa án nhân dân huyện Lục Nam giải quyết ly hôn nhưng chị và anh P chưa chia tài sản chung của vợ chồng. Năm 2007 anh P đăng ký kết hôn với chị T sau đo anh P chị T xây ngôi nhà 2 tầng trên đất của chị và anh P. Nay chị đề nghị Tòa án chia khối tài sản chung của vợ chồng làm 5 phần gồm chị, anh Vũ Văn P, bà Chu Thị Q, cháu Vũ Thị T, cháu Vũ Đức T. Tại phiên tòa chị chỉ đề nghị Tòa án chia mảnh đất 1680m2 theo quy định của pháp luật và chị đề nghị được lấy đất vì chị và con gái Vũ Thị T không có nhà và đất để ở. Những tài sản trên đất như nhà trên đất và các tài sản và cây cối trên trên đất không phái của chị nên chị không có yêu cầu gì.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa anh P và anh Trịnh Quý D và chị Nguyễn Thị Mến ngày 10/12/2020 chị không yêu cầu gì. Nếu có tranh chấp chị đề nghị giải quyết trong 1 vụ án khác, trong vụ án này chị có không có đề nghị gì. Đối với tài sản là 1 trái vẩy lợp tôn diện tích 30 m2 chị cũng không có đề đề nghị gì.

Chị đồng ý với kết quả định giá và thẩm định tại chỗ ngày 15/4/2022. Đối với diện tích 51,8m2 tăng hơn so với GCNQSD đất chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ngoài ra chị không có yêu cầu gì thêm.

*** Về công nợ, ruộng canh tác:** Chị và anh P đã ly hôn năm 2007 nên không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo bị đơn anh Vũ Văn P (Vũ Quang P) trình bày:

Năm 1999 anh chung sống với chị Hạng Thị M nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng có làm đám cưới và sau đó nhập khẩu chị M vào Sổ hộ

khẩu gia đình anh. Năm 2001 sinh cháu Vũ Thị T, năm 2002 sinh cháu Vũ Đức T đến năm 2003 anh và chị M sống ly thân, đến năm 2007 thì chị M nộp đơn ra Tòa án huyện Lục Nam để giải quyết ly hôn. Tòa án đã ra quyết định thuận tình ly hôn giữa anh và chị M. Sau đó anh đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị T và sinh được 2 người con và vẫn sinh sống trên mảnh đất 1680m2. Nguồn gốc mảnh đất 1680m2 là đất của mẹ anh Bà Chu Thị Q khai phá nhưng đến năm 2001 theo chính sách của Nhà nước cấp giấy CNQSD đất cho các hộ gia đình nên cơ quan nhà nước là UBND xã Vô Tranh về đo đạc và làm sổ đỏ anh không phải ký cốp gì. Sau khoảng thời gian hơn 1 năm thì anh nhận được GCNQSD đất và anh giữ sổ đỏ cũng không có khiếu nại gì. Từ khi anh kết hôn với chị Hạng Thị M đến khi ly hôn chị M không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình anh kể cả việc tôn tạo đất và trồng cây trên đất. Năm 2020 anh có làm đơn đề nghị Tòa án huyện Lục Nam chia tài sản chung giữa anh và chị M là mảnh đất 1680m2 nhưng sau đó anh thấy mình đã sai khi đề nghị chia đất vì đất đó không phải của anh và chị M mà đất đó là đất của mẹ anh bà Chu Thị Q nên anh đã rút đơn khởi kiện không giải quyết nữa. Đến nay chị Hạng Thị M đề nghị Tòa án chia tài sản sản chung là mảnh đất 1680m2 anh không đồng ý vì đất đó không phải của anh và chị M mà đất đó là của mẹ anh bà Chu Thị Q. Đối với lời khai của cháu T và cháu T đề nghị được chia công sức đóng góp đối với mảnh đất 1680m2 anh không đồng ý vì thời điểm cấp GCNQSD đất các con anh chưa sinh nên không có đóng góp gì. Anh không đồng ý chia đất cho chị Vũ Thị T và anh Vũ Đức T.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất giữa anh và anh Trịnh Quý D và chị Nguyễn Thị Mến ngày 10/12/2020 anh và anh D tự thỏa thuận và nếu có tranh chấp anh đề nghị giải quyết trong 1 vụ án khác, trong vụ án này anh không có đề nghị gì. Đối với tài sản là 1 trái vẩy lợp tôn diện tích 30 m2 anh đề nghị Tòa án giao cho anh quản lý dử dụng.

Tại phiên tòa anh P khai trong thời kỳ anh và chị M chưa ly hôn chị M có mua 2 mảnh đất ở xã Vô Tranh đó cũng là tài sản chung của anh chị nhưng anh sẽ yêu cầu chia tài sản chung trong một vụ án khác. Trong vụ án này anh không yêu cầu.

*** Về công nợ, ruộng canh tác:** Anh chị không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Chu Thị Q trình bày: Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 05/01/2022 bà Q trình bày: Năm 1986 gia đình bà có khai hoang phục hóa diện tích đất 1680m2 trong đó, 400m2 đất ở, 1280m2 đất vườn tại thôn Đồng Mạ (nay là thôn Mỏ Sẻ) xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nguồn gốc đất do bà khai phá. Năm 2001 sổ hộ khẩu mang tên bà (Chu Thị Q là chủ hộ) đến ngày 07/12/2011 cấp lại sổ hộ khẩu chủ hộ là Vũ Quang P. Năm 1999 bà lấy vợ cho anh P là chị Hạng Thị M bà cùng chị M anh P cùng nhau về chung sống trên mảnh đất tháng 6/2003 do mâu thuẫn với anh P chị M đã nhục mạ bà và bỏ về nhà mẹ đẻ ở để cả 2 con cho bà và anh P nuôi sau đó chị M tự ý đi nước ngoài mà không hỏi ý kiến bà và anh P. Chị M về nhà bà làm dâu 3 năm 6 tháng nhưng không đóng góp công sức gì, không phát triển được tài sản gì,

khi chị M đi nước ngoài cũng không gửi tiền về nuôi con do vậy chị M và anh P không có tài sản chung gì.

Năm 2000, 2001 bà ốm đau triền miên phải đi viện không có ở nhà. Anh P con trai bà đã tự ý làm giấy CNQSD đất mang tên hộ ông Vũ Quang P. Bà không hiểu vì sao UBND huyện Lục Nam lại cấp GCNQSD đất cho con trai bà trong khi bà chưa bao giờ ủy Q, tặng cho anh P bà vẫn là chủ hộ gia đình từ năm 1986. Nay chị Hạng Thị M có đơn đề nghị chia mảnh đất 1680m2 là tài sản chung của chị M và anh P bà không đồng ý vì diện tích đất này là thuộc Q sở hữu hợp pháp của bà.

Luật sư Đồng Duy C người bảo về Q và lợi ích hợp pháp cho bà Chu Thị Q trình bày: Ông đồng ý với ý kiến của bà Q về nguồn gốc đất là của bà Q khai phá và xác định đất là của bà Q nên không đồng ý chia đất cho chị Hạng Thị M. Tại phiên tòa ông không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của chị Hạng Thị M về yêu cầu độc lập của bà Chu Thị Q:

Chị kết hôn với anh Vũ Quang P tháng 11 năm 1999. Năm 2001 chị sinh con gái tên là Vũ Thị T, năm 2002 chị sinh con trai tên là Vũ Đức T hai vợ chồng ở chung nhà với mẹ chồng tên là Chu Thị Q trên mảnh đất 1680m2 tại thôn Mỏ Sẻ (nay là thôn Đồng Mạ xã Vô Tranh). Năm 2001 theo chính sách của Nhà nước về việc kê khai đo đạc để cấp GCNQSD đất gia đình chị được UBND xã Vô Tranh về đo đạc và kê khai chị được ký vào hồ sơ cấp GCNQSD đất sau đó vài tháng anh P có cầm GCNQSD đất và cất vào trong hòm sắt, chị cũng không biết cụ thể. Nguồn gốc mảnh đất là do của mẹ chồng bà Chu Thị Q có khoảng vài trăm mét vuông sau đó chị và anh P khai vỡ dần từ trên rừng xuống sau này đo đạc có diện tích 1680m2. Phía bắc giáp đường tỉnh lộ 293, phía tây và phía nam giáp nhà ông Nguyễn Hồng Đang, phĩa đông giáp nhà ông Phùng Văn Vịnh, năm 2001 gia đình chị được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSD đất mang tên hộ ông Vũ Văn P. Năm 2007 chị và anh Vũ Văn P đến Tòa án nhân dân huyện Lục Nam giải quyết ly hôn nhưng chị chưa chia tài sản chung của vợ chồng. Nay chị đề nghị Tòa án chia khối tài sản chung của vợ chồng là mảnh đất 1680m2 theo quy định của pháp luật. Bà Chu Thị Q có yêu cầu độc lập đòi lại mảnh đất 1680m2 chị không đồng ý vì đất của bà Q chỉ có khoảng vài trăm m2 và ngôi nhà cấp 4 đã cũ nằm trên đất (anh P đã phá nhà đi để san đất) còn lại là do công sức của chị và anh P lấn rừng, khai phá đất hoang. Nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật chia mảnh đất 1680m2.

Ý kiến của anh Vũ Văn P (Vũ Quang P) về yêu cầu độc lập của bà Chu Thị Q.

Anh đồng ý với ý kiến của bà Chu Thị Q là mẹ anh, mảnh đất 1680m2 có nguồn gốc là do mẹ anh khai phá nay bà Q đòi đất anh cũng đồng ý trả bà Q.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có Q lợi nghĩa vụ liên anh Trịnh Quý D và chị Nguyễn Thị Mến trình bày: Do chỗ quen biết vợ chồng anh đã mua mảnh đất 100m2 của vợ chồng anh Vũ Văn P (Vũ Quang P và chị Nguyễn Thị T năm 2020 với giá thỏa thuận, vợ chồng anh và và vợ chồng anh P chỉ làm giấy mua bán viết tay với nhau chưa làm thủ tục sang tên chuyển nhượng đến tháng 9/2021 thì vợ chồng anh xây quán để kinh doanh dược. Anh chỉ mua đất của anh P chị T khi nào làm được GCNQSD đất thì anh trả nốt tiền anh P chị T. Nay chị

Hạng Thị M đề nghị Tòa án chia tài sản chung giữa chị và anh P anh không có liên quan gì và vợ chồng anh không có ý kiến gì. Hợp đồng CNQSDĐ đất ngày 10/12/2020 giữa vợ chồng anh và vợ chồng anh P chị T các anh chị tự thỏa thuận nếu có tranh chấp anh chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết trong một vụ án khác. Trong vụ án này anh chị không có đề nghị gì. Đối với tài sản là 01 mái vẩy lợp tôn diện tích 30m2 anh chị đề nghị giao cho anh Vũ Văn P quản lý sử dụng. Do lý do công việc bận anh chị đề nghị được vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên xét xử. Tại phiên tòa hôm nay anh D chị Mến có đơn xin vắng mặt.

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị T (con gái anh P, chị M) trình bày: Chị là con gái của Vũ Văn P và Hạng Thị M hiện nay mẹ chị đề nghị chia tài sản chung là mảnh đất 1680m2 tại thôn Mỏ Sẻ (nay là thôn Đồng Mạ xã Vô Tranh). Nguồn gốc mảnh đất là do của bố mẹ tạo dựng lên có diện tích 1680m2. Năm 2001 gia đình chị được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSD đất mang tên hộ ông Vũ Văn P. Năm 2007 bố mẹ chị đến Tòa án nhân dân huyện Lục Nam giải quyết ly hôn chị ở cùng bố Vũ Văn P đến năm 2016 mẹ chị gửi đơn lên Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và hiện nay chị ở với Hạng Thị M. Thời kỳ đó chị vẫn còn nhỏ chưa có đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ nhưng theo Luật chị vẫn có phần ở trong đó. Nay mẹ chị đề nghị Tòa án chia Tài sản chung là mảnh đất 1680m2 chị đồng ý và đề nghị được chia phần tài sản mà chị được hưởng. Tại phiên tòa hôm nay chị Vũ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đức T (con trai của anh P, chị M) trình bày: Anh là con Trai của Vũ Văn P và Hạng Thị M hiện nay mẹ anh đề nghị chia tài sản chung là mảnh đất 1680m2 tại thôn Mỏ Sẻ (nay là thôn Đồng Mạ xã Vô Tranh). Nguồn gốc mảnh đất là do của bố mẹ tạo dựng lên có diện tích 1680m2. Năm 2001 gia đình chị được UBND huyện Lục Nam cấp GCNQSD đất mang tên hộ ông Vũ Văn P. Năm 2007 bố mẹ anh đến Tòa án nhân dân huyện Lục Nam giải quyết ly hôn anh ở cùng bố Vũ Văn P. Thời kỳ đó anh vẫn còn nhỏ chưa có đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ nhưng trong quá trình sinh sống ở khu đất 1680m2 anh cũng đã góp phần cải tạo để khu đất trên được bằng phẳng có thế xây dựng nhà ở. Nay mẹ anh đề nghị Tòa án chia Tài sản chung là mảnh đất 1680m2 anh đồng ý và đề nghị được chia phần tài sản mà anh được hưởng. Tại phiên tòa hôm nay anh Vũ Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T trình bày:

Sau khi anh P ly hôn với chị M chị đăng ký kết hôn với anh P năm 2007 và về chung sống với nhau ngay tại thôn Mỏ Sẻ xã Vô Tranh và ở trên mảnh đất 1680m2. Chị chỉ trồng cây, san lấp mặt phẳng đến năm 2012 thì vợ chồng chị xây nhà 2 tầng diện tích 100m2 một sàn trên đất, ngoài ra còn xây thêm công trình phụ để chăn nuôi gà. Chị xây nhà tổng tiền khoảng 800.000.000đ. Đến năm 2020 vợ chồng chị có bán 5m đất mặt đường cho anh D chị Mến ở thôn Ao Vè xã Vô Tranh nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng sang tên.

Nay chị M đề nghị chia tài sản chung giữa anh P và chị M tôi không nhất trí vì mảnh đất 1680m2 là của mẹ chồng chị bà Chu Thị Q, nhà cửa công trình trên đất, cây cối lâm lộc là của chị và anh P tạo dựng lên. Còn cháu Vũ Thị T, Vũ Đức T là con của anh P chị M nhưng ở chung với chị và anh P lúc đó các cháu còn nhỏ

không đóng góp gì vào khối tài sản của chúng anh chị. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt.

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện Lục Nam do ông Đào Quang D đại diện theo ủy Q trình bày:

Hộ ông Vũ Văn P được cấp GCNQSD đất tại thôn Đồng Mạ, xã Vô Tranh tại quyết định số 633 QĐ – CT(H) ngày 11/10/2001 có vào sổ 01001 diện tích 1680m2 diện tích nay đo thực tế là 1.731,8m2 diện tích tăng lên là 51,8 m2 là do sai số đo đạc. Khi cấp GCNQSD đất là đo đạc tính diện tích bằng phương pháp thủ công. Nay đo đạc bản đồ địa chính chính quy diện tích tăng lên. Diện tích tăng lên thuộc Q sử dụng của hộ gia đình ông Vũ Văn P nên đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả đo đạc thực thế để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 15/4/2022 kết quả như sau:

Đối với diện tích 1.680 m^2 đất tại thôn Mỏ Sẻ, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang diện tích đất ở 400 m^2, đất vườn là 11,280 m^2, hiện nay đo thực tế diện tích 1.731,8m^2, Giá đất ở 10.000.000đ/1m^2; đất vườn 5.000.000đ/1m^2;

Tài sản trên đất:

01 nhà 2 tầng (nhà cấp 3 loại 2) trị giá 582.558.000đ, 01 bếp trị giá 18.558.000đ, 01 sân gạch trị giá 4.504.000đ; 01 mái tôn có giá trị 11.680.000đ, 01 trái bếp có giá trị 3.303.000đ, 01 sân bê tông có giá trị 2.980.000đ, 01 hàng rào sắt có giá trị 10.395.000đ, 01 nhà cấp 4 tạm loại 1 có giá trị 83.720.000đ, 01 mái tôn có giá trị 4.173.000đ.

Các cây cối gồm: 18 cây vải thiều có giá trị 1.116.000đ, 02 cây mít có giá trị 706.000đ, 01 cây xoài có giá trị 608.000đ, 01 cây bưởi có giá trị 2.306.000đ, 02 cây đào có giá trị 424.000đ, 18 cây hồng xiêm có giá trị 760.000đ, 01 cây ổi có giá trị 235.000đ.

Tại biên bản xác minh ngày 18/01/2022 Công an xã Vô Tranh cung cấp:

Theo sổ hộ khẩu của thôn Hố Bông + Mỏ sẻ quyển số 04 do Công an xã Vô Tranh đang quản lý thì hộ khẩu hộ Bà Chu Thị Q tại tờ số 46 có các T viên gồm: Bà Chu Thị Q, sinh năn 1943 (là chủ hộ). Anh Vũ Văn P, sinh năm 1974, chị Hạng Thị M, sinh năm 1980, cháu Vũ Thị T, sinh năm 2001, cháu Vũ Đức T, sinh năm 2002. Trong đó chị Hạng Thị M nhập khẩu vào hộ bà Chu Thị Q từ xã Tân Mộc, huyện Lục Ngạn về từ ngày 12/4/2001.

Tại biên bản xác minh ngày 09/5/2022 UBND xã Vô Tranh cung cấp:

Diện tích đất 1680 m^2 đất tại thôn Đồng Mạ (Mỏ Sẻ), xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, Bắc Giang cấp cho hộ ông Vũ Văn P (Vũ Quang P) tại quyết định số 633 QĐ – CT(H) ngày 11/10/2001 có vào sổ 01001 nguồn gốc là của cha ông để lại. Hộ ông Vũ Văn P được cấp GCNQSD đất lần đầu. Căn cứ vào chỉ thị số 18/CT – TTCP ngày 01/7/1999 của Thủ tướng chính phủ và Thông tư liên tịch 1442 ngày 21/9/1999 của Tổng cục địa chính – Bộ tài chính về việc cấp GCNQSDĐ theo chỉ thị 18/CT – TTCP. Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ hộ ông Vũ Văn P gồm có Bà Chu Thị Q mẹ đẻ anh P (chủ hộ) anh Vũ Văn P và vợ anh P là chị Hạng Thị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chấp hành nghiêm chỉnh Q và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 38, 59, 60, 61, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 210, 218, 2019 Bộ luật dân sự 2015; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 165 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn của chị Hạng Thị M.

Giao cho chị Hạng Thị M diện tích đất 202,4m^2, trong đó có 80m^2 đất ở, 122,4 m^2 đất vườn.

Giao cho anh Vũ Văn P diện tích đất 924,7 m2, trong đó 160m2 đất ở và 764,7 m2 đất vườn.

Tài sản trên đất:

Giao cho chị Hạng Thị M 06 cây vải, 01 cây xoài. Nhưng phải trích chia bằng tiền trả anh P bằng tiền trị giá các cây chị được hưởng.

Giao cho Vũ Văn P 01 nhà 2 tầng (nhà cấp 3 loại 2), 01 bếp, 01 sân gạch; 01 mái tôn, 01 trái bếp, 01 sân bê tông, 01 hàng rào sắt, 01 nhà cấp 4 tạm loại 1, 01 mái tôn.

Các cây cối gồm: 12 cây vải thiều, 02 cây mít, 01 cây bưởi, 02 cây đào, 18 cây hồng xiêm, 01 cây ổi. (Các tài sản trên đất là của anh P gây dựng lên)

Tổng trị giá tài sản chị M được hưởng 1.412.000.000 tiền đất + 980.000đ tiền cây = 1.412.980.000đ (Một tỉ bốn trăm mười hai triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng). Nhưng phải trả anh P 980.000đ

Tổng trị giá tài sản anh P được hưởng 5.423.500.000đ tiền đất và tài sản trên đất là 714.372.000đ. Tổng = 6.137.872.000 (Sáu tỉ một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi hai triệu đồng). Và được M trả 980.000đ tiền cây trên đất.

Bác yêu cầu độc lập của bà Chu Thị Q.

Giao cho bà Chu Thị Q diện tích 924,7 m2, trong đó 160m2 đất ở và 764,7 m2 đất vườn. Trị giá tài sản bà Q được hưởng 5.423.500.000đ tiền đất

Về án phí, chi phí tố tụng, Q kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của chị Hạng Thị M và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Anh Vũ Văn P (Vũ Quang P) bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm Q. Các đương sự đều có mặt HĐXX người có Q lợi nghĩa vụ

liên quan đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] ***Về yêu cầu chia tài sản chung:***

Đối với yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất 1680m2 của chị M diện tích đất ở và đất vườn: Từ năm 1999 chị M kết hôn với anh P và chung sống cùng anh P và bà Chu Thị Q trên diện tích đất 1680m2 nguồn gốc diện tích đất tại thôn Đồng Mạ (nay là thôn Mỏ Sẻ), xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đo thực tế diện tích 1731,8 m2 là của bà Chu Thị Q, đất ở là 400m^2, đất vườn 1.331,8 m^2 ngày 11/10/2001 hộ ông Vũ Văn P được Nhà nước cấp GCNQSDĐ đến năm 2007 anh P và chị M ly hôn, lời khai anh P là anh chị không có đăng ký kết hôn chỉ về chung sống chung. Tuy nhiên căn cứ vào quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 18/2007/QĐCN – HNGĐ ngày 31/7/2007 thì xác định hôn nhân giữa chị M và anh P là hôn nhân hợp pháp, anh P và chị M có 2 con chung đều được khai sinh cả tên anh P chị M. Đến ngày 19/3/2021 anh P có đơn gửi Tòa án nhân dân huyện Lục Nam chia tài sản chung là mảnh đất 1680m2 đất tại thôn Đồng Mạ, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Điều đó chứng tỏ rằng anh Vũ Văn P xác nhận khối tài sản chung giữa anh và chị M là mảnh đất 1680m2. Mảnh đất có nguồn gốc của bà Chu Thị Q nhưng khi Nhà nước có chính sách cấp GCNQSD đất thì chị M đã được xác lập Q sở hữu. Trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất hộ anh P kê khai có chị M. Các con anh P, chị M cũng xác định là tài sản của bố mẹ và có công sức đóng góp, vẫn đề nghị được hưởng nhưng khi đó các con còn nhỏ nên không có đóng góp gì. Vì vậy xác định tài sản Q sử dụng diện tích 1680 m^2 đất (thực tế đo diện tích là 1.731,8m2 là tài sản chung hợp nhất của hộ gia đình những người đồng sở hữu gồm 3 người anh Phương, bà Q, chị M. Nay chị M yêu cầu chia Q sử dụng đất này theo quy định của pháp luật tuy nhiên xác định về nguồn gốc đất, công sức đóng góp chị M về chung sống với gia đình anh P từ năm 1999 đến năm 2007 thì chị và anh P ly hôn nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận chia cho chị M nhận 202,4m^2 đất phần diện tích ít hơn những người đồng sở hữu khác, tách cho chị Hạng Thị M diện tích đất 202,4m^2, trong đó có 80m^2 đất ở, 122,4 m^2 đất vườn có tứ cận cụ thể như sau: Phía bắc giáp đường 293 có chiều rộng 10,12m, phía đông giáp với đất nhà ông Vinh có chiều dài 20m, phía nam giáp đất của anh P có chiều rộng 10,25m, phía tây cũng giáp đất của anh P có chiều dài 20m2. Về tài sản trên đất, xác định diện tích đất chị M được chia có 06 cây vải, 01 cây xoài nằm trên diện tích 202,4 m2. Nhưng phải trích chia bằng tiền trả anh P bằng tiền trị giá các cây chị được hưởng. Tổng trị giá tài sản chị M được hưởng 1.412.000.000 tiền đất + 980.000đ tiền cây = 1.412.980.000đ (Một tỉ bốn trăm mười hai triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng). Nhưng phải trả anh P 980.000đ

Giao cho anh Vũ Văn P diện tích đất 924,7 m2, trong đó 160m2 đất ở và 764,7 m2 đất vườn.

Tài sản trên đất:

Giao cho Vũ Văn P 01 nhà 2 tầng (nhà cấp 3 loại 2), 01 bếp, 01 sân gạch; 01 mái tôn, 01 trái bếp, 01 sân bê tông, 01 hàng rào sắt, 01 nhà cấp 4 tạm loại 1, 01 mái tôn.

Các cây cối gồm: 12 cây vải thiều, 02 cây mít, 01 cây bưởi, 02 cây đào, 18 cây hồng xiêm, 01 cây ổi.

Tổng trị giá tài sản anh P được hưởng 5.423.500.000đ tiền đất và tài sản trên đất là 714.372.000đ. Tổng = 6.137.872.000 (Sáu tỉ một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi hai triệu đồng). Và được M trả 980.000đ tiền cây trên đất

HĐXX xác định mảnh đất 1680 m^2 đất (thực tế đo diện tích là 1.731,8m2 là tài sản chung hợp nhất của hộ gia đình nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Chu Thị Q mà chia đất cho bà Chu Thị Q.

Giao cho bà Chu Thị Q diện tích 924,7 m2, trong đó 160m2 đất ở và 764,7 m2 đất vườn. Trị giá tài sản bà Q được hưởng 5.423.500.000đ tiền đất nhưng do bà Chu Thị Q vẫn ở chung nên HĐXX quyết định không chia tách riêng đất cho bà Q mà để chung vào khối tài sản mà anh P được hưởng

Xét thấy là phù hợp Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 210; 218, 219 Bộ luật dân sự.

Đối tài sản trên đất: Căn cứ vào kết quả thẩm định, định giá tài sản trong quá trình giải quyết vụ án xác định tài sản trên đất không phải là tài sản chung vì anh P chị M đã ly hôn từ năm 2007 xác định các tài sản trên đất là tài sản của anh Vũ Quang P nên cần giao cho anh P quản lý sử dụng toàn bộ các tài sản như trong biên bản định giá. Đối với những cây cối nằm trên diện tích đất chị M được giao có cây vải và cây xoài cần giao cho chị M quản lý nhưng phải trả anh P số tiền như trong biên bản định giá.

Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa chị M tự nguyện chịu 5.000.000đ tiền chi phí tố tụng. Anh P phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí tố tụng. Số tiền tạm ứng chi phí tố tụng do chị M tạm ứng nên anh P phải trả cho chị M số tiền 5.000.000đ .

Về án phí: Chị M phải chịu 1.412.980.000đ là 36.000.000đ + 3%của phần giá trị vượt quá 800.000.0000đ = 54.389.400 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh P phải chịu án phí: 5.423.500.000đ là 112.000.000đ + 0,1% của phần giá trị vượt quá 4.000.000.000đ = 113.423.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Q là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật

Về Q kháng cáo: Các đương sự được Q kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 210, 218, 2019 Bộ luật dân sự 2015; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 165 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của chị Hạng Thị M

Đối với diện tích đất ở, đất vườn có diện tích thực tế 1.731,8m2 tại thôn Đồng Mạ, xã Vô Tranh, huyện Lục Nam được cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất số vào sổ 01001/QSDĐ/QĐ số 633QĐ-UB(H) ngày 11/10/2001:

Giao cho chị Hạng Thị M diện tích đất 202,4m^2, trong đó có 80m^2 đất ở, 122,4 m^2 đất vườn có tứ cận cụ thể như sau: Phía bắc giáp đường 293 có chiều dài các

cạnh 4-5 là 10,12m, phía đông giáp với đất nhà ông Vinh có chiều dài có các cạnh 5-6, 6-7 là 20m, phía nam giáp đất của anh P có chiều dài có các cạnh 7- 12 là 10,25m, phía tây cũng giáp đất của anh P có chiều dài các cạnh 4 -12 là 20m2có sơ đồ kèm theo).

Giao cho anh Vũ Văn P (Vũ Quang P) và bà Chu Thị Q diện tích 1529,4m2 đất, trong đó có 320m^2 đất ở, 1209,4m2 m^2 đất vườn có tứ cận cụ thể như sau: Phía bắc giáp đường 293 có chiều dài các cạnh 1 -2 là 23,27m; 2- 3 là 3,23m; 3-4 là 15,24m, phía đông giáp với đất nhà ông Vinh có chiều dài có các cạnh 7 -8 là 12,10m, 8 -9 là 29,92m, phía nam giáp đất của ông Vinh có chiều dài có các cạnh 9 -10 là 37,03m; 10 -11 là 12,39m, phía tây cũng giáp đất của ông Thiệp có chiều dài các cạnh 1 -11 là 26,82 có sơ đồ kèm theo).

Tài sản trên đất:

Giao cho chị Hạng Thị M 06 cây vải, 01 cây xoài.

Giao cho Vũ Văn P 01 nhà 2 tầng (nhà cấp 3 loại 2), 01 bếp, 01 sân gạch; 01 mái tôn, 01 trái bếp, 01 sân bê tông, 01 hàng rào sắt, 01 nhà cấp 4 tạm loại 1, 01 mái tôn.

Các cây cối gồm: 12 cây vải thiều, 02 cây mít, 01 cây bưởi, 02 cây đào, 18 cây hồng xiêm, 01 cây ổi.

Tổng trị giá tài sản chị M được hưởng 1.412.000.000 tiền đất + 980.000đ tiền cây = 1.412.980.000đ (Một tỉ bốn trăm mười hai triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng). Nhưng phải trả anh P 980.000đ

Tổng trị giá tài sản anh P được hưởng 5.423.500.000đ tiền đất và tài sản trên đất là 714.372.000đ. Tổng = 6.137.872.000 (Sáu tỉ một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi hai triệu đồng). Và được M trả 980.000đ tiền cây trên đất.

Bác yêu cầu độc lập của bà Chu Thị Q:

Giao cho bà Chu Thị Q diện tích 924,7 m2, trong đó 160m2 đất ở và 764,7 m2 đất vườn. Trị giá tài sản bà Q được hưởng 5.423.500.000đ tiền đất

Về chi phí tố tụng: Anh Vũ Quang P phải trả cho chị M 5.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng chị M đã nộp tạm ứng.

Về án phí: Chị Hạng Thị M phải chịu 54.389.400 tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 20.000.000đồng chị M đã nộp theo biên lai thu số 0013282 ngày 07/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Chị M phải nộp thêm 34.389.4000 đồng.

Anh Vũ Quang P (Vũ Văn P) phải chịu 113.423.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Chu Thị Q là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Về Q kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Vô Tranh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lự